

Số: 125 /KH-MNS2NT

Núa Ngam, ngày 09 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2025 – 2026

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Luật Giáo dục năm 2019;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội quy định về vị trí, vai trò, quyền, nghĩa vụ, chuẩn nghề nghiệp, tuyển dụng, sử dụng và chính sách đối với nhà giáo;

Căn cứ Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Căn cứ Quyết định số 2358/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2025–2026 của ngành Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 2269/QĐ-BGDĐT ngày 11 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2025–2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư 06/2019/TT-BGDĐT ngày 22/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định công tác xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 25/2024/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về chế độ báo cáo, thống kê ngành Giáo dục (và các văn bản hướng dẫn liên quan);

Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2025 của UBND tỉnh Điện Biên về kế hoạch thời gian năm học 2025–2026 đối với giáo dục

mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Kế hoạch số 2615/KH-SGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2025–2026;

Căn cứ hướng dẫn số 2584/HD-SGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Điện Biên hướng dẫn thực hiện Công tác thi đua, khen thưởng năm học 2025 – 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐU ngày 19 tháng 8 năm 2025 Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ xã Núa Ngam lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Kế hoạch số 109/KH-MNS2NT ngày 04 tháng 9 năm 2025 - Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 của trường Mầm non số 2 Na Tông;

Thực hiện chủ đề năm học 2025 - 2026 “*Kỷ cương - Sáng tạo - Đột phá - Phát triển*”, Trường mầm non số 2 Na Tông xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường năm học 2025 – 2026 như sau:

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thực trạng của nhà trường

1.1. Về quy mô trường lớp, học sinh

Năm học 2025 – 2026 trường mầm non số 2 Na Tông có 1 khu trung tâm và 03 điểm trường lẻ, tổng số 11 lớp trong đó 06 lớp mẫu giáo và 05 nhóm trẻ.

Số học sinh toàn trường là 228, trong đó 152 học sinh mẫu giáo, 75 học sinh nhóm trẻ.

1.2. Về đội ngũ:

Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên toàn trường 19 đồng chí. Trong đó: Ban giám hiệu 2 đ/c; giáo viên giảng dạy: 15 đ/c; nhân viên: 2 đ/c. Trình độ chuyên môn: Cao đẳng: 05, Đại học 13.

Có 03 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng

Chi bộ độc lập gồm 13 Đảng viên

1.3. Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Tổng số phòng học: 11 trong đó: Kiên cố 07, bán kiên cố: 04;

Số lớp đủ đồ dùng thiết bị dạy học tối thiểu: 10; Số sân chơi: 04 trong đó sân chơi có đồ chơi ngoài trời: 04; số bếp ăn: 04.

2. Thuận lợi và khó khăn

2.1. Thuận lợi

Nhà trường được sự quan tâm tạo điều kiện của Đảng ủy, UBND xã Núa Ngam, được sự chỉ đạo sát sao của Phòng VH-XH, sự phối hợp chặt chẽ của các

ban ngành đoàn thể xã và các đơn vị đóng chân trên địa bàn. Khu trung tâm trường đang được đầu tư xây dựng.

Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ sư phạm đạt chuẩn trở lên, luôn đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước, tâm huyết với nghề. 100% giáo viên có chứng chỉ tin học, soạn bài vi tính.

2.2. *Khó khăn*

So với quy định còn thiếu 01 CBQL, 05 GV và 02 NV.

100% con em đồng bào dân tộc H'Mông; ngôn ngữ khác biệt ảnh hưởng đến việc học tiếng Việt của trẻ. Phụ huynh tảo hôn, sinh nhiều con, ít quan tâm đến việc học của trẻ; nhiều phụ huynh không biết hoặc biết ít tiếng phổ thông, rất khó khăn cho giáo viên khi thực hiện công tác tuyên truyền vận động.

Cơ sở vật chất: Còn nhiều khó khăn, đồ dùng – đồ chơi thiếu, nhất là điểm lẻ; chưa có điện lưới quốc gia; giao thông đi lại hiểm trở.

III. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA NĂM HỌC TRƯỚC

1. Huy động và duy trì số lượng trẻ

Năm học 2024-2025 nhà trường đã huy động 223/278 trẻ địa bàn đạt tỷ lệ 80,2%. Cụ thể: nhà trẻ 70/124 đạt 56,5%, tăng 3,1% so với năm học trước; mẫu giáo các độ tuổi 154/154 đạt 100%.

Nhà trường duy trì giữ vững số lượng trẻ, không có trẻ bỏ học. Số trẻ đi học chuyên cần là 215/223 trẻ đạt 96,4 %.

2. Chất lượng chăm sóc – giáo dục trẻ

* *Chất lượng chăm sóc*

Nhà trường thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. 100% trẻ được ăn bán trú, cân đo định kì, theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng và khám sức khoẻ 2 lần /năm học. 100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần.

+ Cân nặng bình thường: 217/223 trẻ đạt 97,3%; Suy DD thể nhẹ cân: 6/223 chiếm 2,7%; Suy DD thể nhẹ cân mức độ nặng: 0;

+ Chiều cao bình thường: 216/223 trẻ đạt 96,9%; Suy dinh dưỡng thể thấp còi: 7/223 chiếm 3,1%; SDD thể thấp còi mức độ nặng: Không.

+ Cân nặng theo chiều dài/chiều cao: Bình thường: 223/223 trẻ đạt 100%.

* *Chất lượng giáo dục:*

Nhà trường đã chỉ đạo giáo viên thực hiện chương trình giáo dục của trường dựa trên chương trình khung của bộ, có sự điều chỉnh, bổ sung phù hợp thực tế địa phương. Kết quả kiểm tra đánh giá chất lượng trẻ cuối năm:

- Số trẻ được đánh giá theo các mục tiêu: 223/223 trẻ;

- Nhà trẻ: số trẻ được đánh giá tròn tháng: 69 trẻ, số trẻ đạt: 62/69 = 90%.

- Mẫu giáo: Tổng số mục tiêu được đánh giá cả 3 độ tuổi là: 320 mục tiêu: Trong đó MG Bé số mục tiêu đạt yêu cầu: 91/91 đạt 100%; MG Nhỡ số mục tiêu đạt yêu cầu: 99/99 đạt 100 %; Mẫu giáo Lớn số mục tiêu đạt yêu cầu: 130/130: đạt 100%; Tổng số trẻ được đánh giá 154 trẻ trong đó: số đạt là 142/154 trẻ đạt 92,2 %; chưa đạt 12/154 trẻ chiếm 7,8%. Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non là 57/57 trẻ.

Tổ chức thành công hội thi thi “Ươm mầm tài năng nhí cấp trường”: có sự tham gia của 73 học sinh; Bồi dưỡng học sinh thi “Ươm mầm tài năng nhí cụm”: 20 học sinh tham gia; đạt: 01 giải nhì, 02 giải ba.

3. Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ duy trì phổ cập giáo dục - xóa mù chữ; được công nhận duy trì phổ cập giáo dục - xóa mù chữ năm 2024.

57/57 trẻ hoàn thành chương trình giáo dục mầm non; 6/6 lớp mẫu giáo có đủ đồ dùng thiết bị tối thiểu theo Thông tư 01/VBHN-BGDĐT Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non.

4. Chất lượng đội ngũ giáo viên

16/17 CBGV học tập bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch¹; 01 giáo viên đang theo học đại học;

+ Số viên chức được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp: 01 GV đang học bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp;

+ Số viên chức được bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành có 18/18 người đạt tỷ lệ 100%, tăng 2 so với năm học trước.

- Kết quả triển khai các chương trình bồi dưỡng thường xuyên cán bộ quản lý giáo dục các cấp; thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục: 16/16 CBGV xếp loại đạt .

- Thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ quản lý theo chuẩn chức danh: hiệu trưởng: Tốt

5. Kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và xây dựng trường đạt Chuẩn Quốc gia

6. Kết quả thi đua

Trường đạt tập thể lao động tiên tiến; 18/18 CBGVNV đạt danh hiệu “lao động tiên tiến” trong đó có 04 CSTĐ, 02 đồng chí được UBND huyện tặng giấy khen.

IV. CHỈ TIÊU PHÂN ĐẦU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

¹ 01 Giáo viên mới tuyển dụng tháng 3/2025 chưa thể tham gia học tập.

1. Thực hiện các cuộc vận động và các phong trào thi đua

a) Chỉ tiêu

Thực hiện có hiệu quả việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tăng cường nề nếp, kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, tuyệt đối không bạo hành trẻ; không có CBGV vi phạm đạo đức nhà giáo;

Xây dựng trường, lớp xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện: 11/11 nhóm lớp;

100% cán bộ giáo viên đăng ký các danh hiệu thi đua;

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Quán triệt tới toàn thể CBGVNV trong trường học tập đầy đủ nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết: Chỉ thị 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nâng cao đạo đức nhà giáo; Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 22/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên.

Xây dựng quy định cụ thể Bộ Quy tắc ứng xử của đơn vị trường và triển khai thực hiện nghiêm túc; tổ chức cho cán bộ giáo viên nhân viên ký cam kết thực hiện nhiệm vụ năm học trong đó có nội dung cam kết về quy tắc ứng xử.

Tổ chức phát động các phong trào thi đua và có đánh giá thi đua theo từng đợt trong năm; cho CBGV- NV đăng ký danh hiệu thi đua ngay từ đầu năm và ký cam kết thực hiện. BGH, các tổ trưởng kiểm tra nghiêm túc, đánh giá chính xác mọi hoạt động của giáo viên nhân viên để làm căn cứ xét thi đua cho mỗi cá nhân.

Thường xuyên tổ chức các bài hát dân ca, các trò chơi dân gian phù hợp với truyền thống bản sắc văn hóa dân tộc của từng điểm trường.

Tích cực trồng rau, cây bóng mát, chăm sóc bồn hoa, cây cảnh, trang trí nhóm lớp ở trung tâm và các điểm trường tạo môi trường thân thiện với trẻ.

2. Quy mô trường, lớp, huy động và duy trì số lượng trẻ

Số nhóm lớp: 11 (05 nhóm trẻ, 6 lớp mẫu giáo);

Số học sinh: 228 (76 học sinh nhà trẻ, 152 học sinh mẫu giáo)

Tỷ lệ huy động: nhà trẻ: 76/135 đạt 56,3%; mẫu giáo: 152/152 đạt 100%.

Phấn đấu không có học sinh bỏ học, 100% trẻ đi học chuyên cần.

Lớp mẫu giáo lớn trung tâm : 17 học sinh

Lớp mẫu giáo nhỡ trung tâm : 26 học sinh

Lớp mẫu giáo bé trung tâm : 34 học sinh

Nhóm trẻ trung tâm A: 19 học sinh

Nhóm trẻ trung tâm B: 18 học sinh

Lớp mẫu giáo ghép Huồi Chanh: 27 học sinh (5T: 7, 4T: 14, 3T: 6)

Nhóm trẻ Huồi Chanh: 15 học sinh

Lớp mẫu giáo ghép Gia Phú A: 25 học sinh (5T: 9, 4T: 9, 3T: 7)

Nhóm trẻ Gia Phú A: 12 học sinh

Lớp mẫu giáo ghép Gia Phú B: 23 học sinh (5T: 9, 4T: 9, 3T: 7)

Nhóm trẻ Gia Phú B: 12 học sinh

Nhóm trẻ trung tâm A: 19 học sinh

Nhóm trẻ trung tâm B: 18 học sinh

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Phân công giáo viên phụ trách công tác phổ cập ở từng bản điều tra nắm chắc số trẻ từ 0- 5 tuổi trên địa bàn, kết hợp với các bí thư chi bộ, trưởng bản, trưởng ban công tác mặt trận các bản và tổ trưởng phụ nữ, đoàn thanh niên vận động học sinh ra lớp.

Giáo viên quan tâm đến sức khỏe của trẻ, chăm sóc trẻ tận tình chu đáo, dạy học đúng kế hoạch để cha mẹ trẻ yên tâm gửi con ở trường.

Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; thực hiện công khai chế độ ăn hàng ngày của trẻ; thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho trẻ.

3. Chất lượng chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng – giáo dục trẻ

3.1. Công tác đảm bảo an toàn cho trẻ

a) Chỉ tiêu

100% trẻ được đảm bảo an toàn về cả thể chất và tinh thần, không xảy ra bệnh dịch và ngộ độc thực phẩm trong nhà trường.

Trường đạt “Trường học an toàn phòng chống tai nạn thương tích”.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Thực hiện nghiêm túc Nghị định 80/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường; Chỉ thị 505/CT-BGDĐT ngày 20/2/2017 của Bộ GD&ĐT về việc tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn trong các cơ sở giáo dục. Tiếp tục đưa các nội dung Chuyên đề “Đẩy mạnh phòng chống bạo hành trẻ” vào nhiệm vụ thường xuyên của đơn vị; thực hiện việc giáo dục kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại trường theo quy định tại Thông tư số 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/05/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Xây dựng kế hoạch phòng chống bạo lực học đường tại đơn vị phù hợp với tình hình thực tiễn giúp giáo viên xác định được trạng thái bạo lực hiện nay và có những giải pháp phòng chống bạo lực học đường phù hợp.

Quản trị, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ trẻ trong công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. Tuyên truyền rộng rãi số điện thoại của Tổng đài Quốc gia bảo vệ trẻ em **111**; giám sát các hoạt động khu trung tâm trường qua hệ thống camera để kịp thời phát hiện, ngăn chặn những biểu hiện, hành vi bạo lực học đường.

Rà soát tiêu chí trường học an toàn theo Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo để đảm bảo đủ điều kiện tiếp nhận trẻ đến trường. Thường xuyên kiểm tra điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi; kịp thời phát hiện, chỉ đạo tu sửa, bổ sung, khắc phục những yếu tố, nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ. Xây dựng phương án dự phòng khi xảy ra tai nạn thương tích; Hướng dẫn giáo viên cách băng bó vết thương và xử trí một số tai nạn thường gặp với trẻ.

Các điểm trường làm tốt công tác tuyên truyền dự báo các dạng thiên tai nguy hiểm tại địa phương như mưa lũ, sạt lở đất; đuổi nước, động vật côn trùng cắn, ... tới phụ huynh và học sinh.

Xây dựng phương án phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn để tổ chức thực hành tại trung tâm và các điểm trường, đặc biệt là phương án ứng phó với lũ quét, sạt lở đất.

Triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh, an toàn trường học.

Đẩy mạnh việc phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho các bậc cha mẹ và cộng đồng bằng nhiều hình thức, đảm bảo hiệu quả, phù hợp thực tiễn.

3.2. Công tác nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho trẻ

a) Chỉ tiêu

100% trẻ được ăn bán trú, được cân đo định kì, theo dõi bằng biểu đồ tăng trưởng và khám sức khỏe 2 lần /năm học.

Về cân nặng: Kênh Bình thường: $221/228 = 97\%$; Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân: $7/228 = 3\%$; Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân mức độ nặng: không

Về chiều cao: Kênh Bình thường : $219/228 = 96\%$; Suy dinh dưỡng thể thấp còi: $9/228 = 4\%$; Suy dinh dưỡng thể thấp còi mức độ nặng: không

Cân nặng theo chiều dài/chiều cao: Bình thường: $227/228 = 99,6\%$; suy dinh dưỡng thể gầy còm: $1/228 = 0,4\%$; không có trẻ thừa cân, béo phì.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Thành lập Ban quản lý ăn bán trú, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; thường xuyên kiểm tra giám sát, quản lý chặt chẽ chất lượng bữa ăn, nguồn thực phẩm. Hướng dẫn giáo viên các điểm trường sắp xếp bếp ăn theo quy trình bếp một chiều.

Sử dụng nguồn hỗ trợ ăn trưa của nhà nước theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP đối với trẻ mẫu giáo và Nghị định 66/2025/NĐ-CP đối với trẻ nhà trẻ.

Hợp đồng thực phẩm có cam kết đảm bảo VSDD an toàn thực phẩm; thực hiện chế độ kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn theo quy định.

Chăm sóc trẻ chu đáo động viên trẻ ăn hết khẩu phần; hình thành ý thức phòng ngừa dịch bệnh: vệ sinh cá nhân sạch sẽ, che miệng khi hắt hơi, ho...; hướng

dẫn trẻ lao động tự phục vụ; quan tâm nhắc nhở để trẻ mặc quần áo phù hợp thời tiết trong ngày.

Tích cực tuyên truyền tới phụ huynh về kiến thức nuôi dạy con theo khoa học, phòng ngừa dịch bệnh; hướng dẫn phụ huynh chăm sóc trẻ, nhất là trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi.

Thường xuyên kiểm tra đồ dùng dụng cụ nấu ăn, công tác vệ sinh nhà bếp, vệ sinh đồ dùng, đồ chơi ở các lớp...; Chỉ đạo các lớp đánh ký hiệu riêng các đồ dùng cá nhân như khăn mặt, cốc uống nước cho từng trẻ.

Triển khai thực hiện nghiêm túc Thông tư 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 15/6/2016 Quy định về công tác y tế trường học;

Xây dựng kế hoạch liên tịch giữa đơn vị trường và trạm y tế xã để khám sức khỏe cho trẻ 02 lần/ năm học (tháng 9/2025 và tháng 4/2026)

Phát phiếu kê khai tình trạng sức khỏe trẻ ngay tuần đầu năm học đối với học sinh tuyển mới để phụ huynh kê khai nộp cho giáo viên, nắm vững tình hình sức khỏe trẻ, các bệnh nền (nếu có).

Phụ huynh và giáo viên lao động trồng rau sạch cho trẻ ăn.

3.3. Chất lượng giáo dục (Thực hiện CTGDMN, các hội thi, việc đánh giá trẻ,...)

a) Chỉ tiêu

11/11 nhóm lớp được học theo chương trình Giáo dục mầm non

Học sinh nhóm trẻ được đánh giá sự phát triển theo 4 lĩnh vực. Các lĩnh vực đạt từ 90% trở lên.

Học sinh mẫu giáo được đánh giá sự phát triển theo 5 lĩnh vực. Các lĩnh vực đạt từ 94% trở lên. 100% trẻ 5 tuổi đạt yêu cầu theo các tiêu chí đánh giá.

100% giáo viên có khả năng phát triển chương trình giáo dục phù hợp với điều kiện văn hóa của địa phương, của nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ; biết lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức lồng ghép, tích hợp nội dung “Giáo dục quyền trẻ em”, “Giáo dục tăng cường Tiếng Việt trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ”, “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, “bảo vệ môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu”, “Giáo dục cảm xúc xã hội”; lồng ghép giới, an toàn giao thông,... phù hợp với điều kiện thực tế đơn vị.

Trẻ được hoạt động tích cực trong môi trường vật chất phong phú, đa dạng, phù hợp điều kiện thực tiễn địa phương,

100% trẻ được tăng cường Tiếng Việt.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Chỉ đạo giáo viên thực hiện nghiêm túc chương trình GDMN sau sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 theo hướng dẫn của phòng GD&ĐT. Phát triển chương trình giáo dục của nhà trường phù hợp với thực

tế địa phương, phù hợp với điểm trường, lớp học. Chú trọng phát triển tình cảm kỹ năng xã hội, tăng cường tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng trải nghiệm cho trẻ. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, trải nghiệm, thực hành và sáng tạo, học tập lẫn nhau.

Đổi mới việc vận dụng phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ. Xây dựng kế hoạch giáo dục bám sát mục tiêu, nội dung giáo dục của từng độ tuổi có trong lớp; linh hoạt trong vận dụng các phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ; chú trọng tương tác giữa các độ tuổi trong nhóm lớp. Hướng dẫn giáo viên theo dõi, đánh giá sự phát triển của trẻ nghiêm túc để xây dựng và điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp với sự phát triển của trẻ, với tình hình thực tế của lớp, trường và địa phương.

Giáo viên thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục và chế độ sinh hoạt của trẻ trong một ngày; cung cấp cho trẻ nhiều cơ hội khác nhau để học và diễn đạt những gì trẻ biết và hiểu; lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng sống, lễ giáo, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm vào trong các hoạt động học tập và vui chơi...

Hướng dẫn tổ chuyên môn trao đổi, thảo luận giúp giáo viên hiểu rõ hơn các căn cứ pháp lý, văn bản chỉ đạo đảm bảo quyền trẻ em trong GDMN; nhận diện được biểu hiện của việc vi phạm quyền trẻ em trong tổ chức các hoạt động giáo dục, vui chơi, trải nghiệm cho trẻ.

Chỉ đạo xây dựng môi trường cho trẻ làm quen với việc đọc viết đa dạng, phong phú, ở tất cả các độ tuổi, các lớp từ trung tâm đến các điểm trường. Tổ chức các hoạt động tập tô màu tranh, chữ cái, tập tô, tập đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình cho trẻ phù hợp yêu cầu của độ tuổi và khả năng học sinh.

3.4. Công tác giáo dục dân tộc, giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật

a) Chỉ tiêu

100% trẻ dân tộc thiểu số được tăng cường tiếng Việt

Tăng cường công tác quản lý giáo dục dân tộc.

Thực hiện đúng, đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với giáo viên và học sinh. Trẻ được đảm bảo đủ ăn, đủ mặc, đủ đồ dùng học tập.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Quan tâm đầu tư đảm bảo các điều kiện nâng cao chất lượng tăng cường tiếng Việt cho trẻ; tổ chức sinh hoạt chuyên môn về nội dung, phương pháp, hình thức tăng cường tiếng Việt cho trẻ theo các văn bản hướng dẫn. Tăng cường tiếng Việt cho trẻ, rèn trẻ ở mọi lúc, mọi nơi, thông qua mọi hoạt động để trẻ phát triển ngôn ngữ, phát triển kỹ năng giao tiếp.

Nghiên cứu phát triển một số kỹ năng ban đầu về việc đọc, viết cho học sinh mẫu giáo theo chương trình giáo dục mầm non.

Lồng ghép dạy tăng cường tiếng Việt ở mọi lúc, mọi nơi, trong mọi hoạt động. Các lớp mẫu giáo thực hiện giờ dạy tăng cường tiếng Việt 02 buổi/tuần. Động viên khuyến khích giáo viên học tiếng dân tộc của trẻ để có thể dạy TCTV trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ.

Triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị định 61/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2006, Nghị định 19/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2013 về chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở vùng chuyên biệt, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; Chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP; Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho học sinh mẫu giáo theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP; Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho học sinh nhóm trẻ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

Chỉ đạo giáo viên quan tâm tới trẻ có hoàn cảnh khó khăn.

4. Công tác phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi

a) Chỉ tiêu

Huy động trẻ em mẫu giáo ra lớp đạt 100%, đảm bảo 100% trẻ em hoàn thành chương trình giáo dục mầm non 5 - 6 tuổi.

Tỷ lệ chuyên cần đạt 95% trở lên

Phục hồi dinh dưỡng ít nhất cho 80% trẻ bị suy dinh dưỡng

Các lớp 5 tuổi có đủ đồ dùng đồ chơi theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015.

Thực hiện miễn học phí cho trẻ theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

Duy trì chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 23/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục xóa mù chữ.

Chủ động tham mưu với UBND xã Núa Ngam đưa mục tiêu phát triển GDMN, phổ cập trẻ 3–5 tuổi vào nghị quyết, kế hoạch phát triển KT-XH của xã. Đề xuất ưu tiên nguồn lực từ Chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án hỗ trợ vùng đặc biệt khó khăn để xây dựng phòng học, bếp ăn, sân chơi. Báo cáo UBND

chỉ đạo các bộ phận liên quan như công an, y tế, tư pháp trong việc điều tra rà soát đối tượng và khai sinh cho trẻ. .

Triển khai hướng dẫn giáo viên lập sổ nhật ký điều tra để cập nhật các thông tin trẻ địa bàn: Chuyển đi, chuyển đến, mới sinh, thay đổi thông tin: đổi họ, đổi tên, đổi người chăm sóc đỡ đầu... Yêu cầu giáo viên phối hợp với giáo viên điều tra cùng bản ở các cấp học tiểu học, trung học cơ sở lập phiếu điều tra hộ gia đình đầy đủ, chính xác thông tin, nhập dữ liệu và hoàn thiện bộ hồ sơ phổ cập đúng thời gian quy định.

Rà soát để tuyên truyền vận động các bậc cha mẹ, ông bà khai sinh cho trẻ, đảm bảo các trẻ được sinh ra đều được khai sinh và đủ điều kiện được đến trường. Tổ chức cho giáo viên cam kết thực hiện chính xác số liệu điều tra và việc sử dụng phiếu điều tra.

Làm tốt công tác tuyên truyền về các chính sách hỗ trợ, những ưu đãi đối với học sinh; giúp phụ huynh nhận rõ hơn sự cần thiết đưa trẻ đến trường. Chú trọng tuyên truyền các văn bản mới: Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025, quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách. Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025.

Ưu tiên cơ sở, trang thiết bị dành cho trẻ 5 tuổi.

5. Nâng cao chất lượng đội ngũ CBQL, giáo viên và nhân viên

5.1. Về giáo dục tư tưởng, chính trị cho đội ngũ

a) Chỉ tiêu

100% cán bộ, giáo viên có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh; có các kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Thực hiện Chỉ thị 1737/CT-BGDĐT ngày 07/5/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo.

Thực hiện nghiêm túc các chính sách đối với giáo viên mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP: Chế độ dạy lớp ghép, tăng cường Tiếng Việt.

Triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo chuyên môn của các cấp, đồng thời giáo dục tinh thần tự giác, ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ giáo viên; gắn chuyên môn giáo viên với việc phân công nhiệm vụ.

5.2. Các hoạt động chuyên môn của giáo viên

a) Chỉ tiêu

100% cán bộ, giáo viên có kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên theo Thông tư số 19/2019/TT-BGĐT, Thông tư số 11/2019/TT-BGDD và Thông tư số 12/2019/TT-BGDDĐT đảm bảo số tiết theo quy định.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Thành lập ban cốt cán chuyên môn nhà trường;

Thực hiện nghiêm túc kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên.

Tiếp tục hướng dẫn thực hiện Chương trình GDMN sau sửa đổi, bổ sung đối với 100% CBQL, GV; đưa nội dung hướng dẫn thực hiện Chương trình GDMN sau sửa đổi, bổ sung vào sinh hoạt chuyên môn.

Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên bám sát vào kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên năm học 2025-2026 của nhà trường. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo khối; giao trách nhiệm cụ thể cho tổ trưởng, tổ phó trong việc bồi dưỡng chuyên môn giáo viên; tuyên truyền giáo dục thay đổi tư duy giáo viên để việc bồi dưỡng chuyên môn trở thành nhu cầu của giáo viên.

Đổi mới công tác quản trị nhà trường: Xây dựng kế hoạch phát triển năm học chi tiết, có phân kỳ tháng/quý, xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm từng thời điểm. Phân công, phân nhiệm cụ thể, gắn trách nhiệm CBQL, GV, NV với kết quả công việc; phát huy tinh thần tự chủ và trách nhiệm cá nhân. Ứng dụng CNTT ở mức phù hợp: quản lý số liệu trên máy tính/điện thoại; sử dụng nhóm Zalo để trao đổi công việc, thay thế văn bản giấy tờ nhiều. Tinh giản hồ sơ, sổ sách theo quy định, tập trung thời gian cho hoạt động chuyên môn.

Tăng cường kiểm tra, giám sát và hỗ trợ nội bộ: Thực hiện kiểm tra nội bộ theo hướng tư vấn, hỗ trợ hơn là gây áp lực; sau mỗi kiểm tra có biện pháp điều chỉnh, bồi dưỡng. Khuyến khích tự kiểm tra, tự đánh giá trong các tổ chuyên môn; giáo viên dự giờ chéo để học tập lẫn nhau.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch kiểm tra nội bộ trường học.

Tạo điều kiện cho CBGV tham gia các loại hình đào tạo.

Tạo điều kiện để giáo viên được giao lưu học tập chuyên môn ở các trường trong và ngoài xã.

5.3. Đánh giá, xếp loại chuẩn HT, PHT, chuẩn nghề nghiệp GVMN

a) Chỉ tiêu

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được xếp loại từ khá trở lên theo chuẩn

Giáo viên được xếp loại đạt trở lên theo chuẩn trong đó trên 70% xếp loại khá, tốt; không có giáo viên xếp loại yếu, kém.

b) Nhiệm vụ và giải pháp:

Nghiên cứu kỹ văn bản hướng dẫn;

Triển khai đánh giá theo Chuẩn ngay từ đầu năm học, quan tâm đến lưu trữ các minh chứng để việc đánh giá đảm bảo tính sát thực.

6. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

a) Chỉ tiêu

Số giáo viên thực hiện hồ sơ giáo án điện tử : 15/15 đạt 100 %

Thực hiện chi trả chế độ không dùng tiền mặt đối với 100% học sinh thuộc đối tượng thụ hưởng.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Thực hiện việc cập nhật, quản lý, khai thác dữ liệu kịp thời, chính xác trang tin điện tử của trường; phần mềm cơ sở dữ liệu ngành <https://truong.csdl.moet.gov.vn>; phần mềm quản lý cán bộ...

Thực hiện tốt thông tin hai chiều trên hệ thống email, zalo; Phát huy trang thông tin điện tử của trường ít nhất mỗi tháng 1 tin bài.

Tăng cường công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực ứng dụng CNTT trong đội ngũ, đặc biệt bồi dưỡng cách tự cập nhật kiến thức qua mạng, khai thác tài liệu bồi dưỡng thường xuyên qua mạng Internet.

Tuyên truyền vận động cha mẹ học sinh mở tài khoản ngân hàng, liên hệ với Ngân hàng VietinBank chi nhánh Bản Phủ tạo điều kiện thuận lợi cho phụ huynh học sinh trong việc mở tài khoản.

7. Công tác khảo thí và quản lý chất lượng giáo dục mầm non

a) Chỉ tiêu

6 lớp mẫu giáo có học sinh tham gia hội thi của trẻ cấp trường. Đoàn học sinh của trường tham gia thi cụm có tiết mục đạt giải cao.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Xây dựng kế hoạch hội thi thông báo tới toàn thể cán bộ giáo viên

Tổ chức hội thi đúng kế hoạch, chấm thi khách quan, công bằng.

Bồi dưỡng học sinh tham gia thi cụm.

Tổ chức làm đồ dùng, đồ chơi theo các chủ đề theo các lĩnh vực phát triển trong năm học.

8. Kiểm định chất lượng giáo dục mầm non và xây dựng trường đạt Chuẩn Quốc gia

a) Chỉ tiêu

Xây dựng trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ II;

Từng bước xây dựng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ II, trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ I.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Thực hiện hiệu quả tự đánh giá theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định về kiểm định chất lượng GD và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường mầm non.

Lưu giữ các minh chứng đầy đủ theo năm học;

Nâng cao chất lượng đội ngũ, chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ.

Tuyên truyền nâng cao ý thức tự học của giáo viên.

Sử dụng nguồn kinh phí tiết kiệm của đơn vị, nguồn cấp bù học phí và xây dựng kế hoạch vận động tài trợ để có kinh phí cải tạo hoàn thiện cơ sở vật chất;

Tham mưu cấp trên đầu tư đồ dùng thiết bị;

9. Công tác tuyên truyền về GDMN, xã hội hoá giáo dục

a) Chỉ tiêu

Phụ huynh được biết về các chế độ chính sách ưu đãi của nhà nước đối với học sinh; ích lợi của việc đưa trẻ đến trường; cách nuôi, dạy con theo khoa học; một số việc mà phụ huynh có thể làm để giúp trẻ học tốt hơn...

Phụ huynh cho trẻ đi học đầy đủ; đóng góp đồ dùng, đồ chơi cho trẻ học tập; góp gạo củi để cho trẻ ăn bán trú; giúp giáo viên lao động xây dựng cảnh quan trường, lớp; ủng hộ giúp đỡ nhà trường cải tạo tu sửa cơ sở vật chất. Số công lao động dự kiến trong năm học là 600 công.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Tuyên truyền tới các bậc phụ huynh về chế độ chính sách hỗ trợ cho học sinh như hỗ trợ ăn trưa các độ tuổi (Nghị định 105/2020/NĐ-CP, Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025); miễn học phí, hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh mầm non vùng đặc biệt khó khăn (Nghị định 238/2025/NĐ-CP);... qua các cuộc họp phụ huynh. Xây dựng các góc tuyên truyền tại các nhóm lớp đảm bảo phong phú về nội dung, hấp dẫn về hình thức, phù hợp với nhận thức của các bậc cha mẹ. Trao đổi trực tiếp hàng ngày để giúp các bậc cha mẹ trẻ hiểu rằng hôm nay con đến lớp được học gì, về nhà cần dạy con cái gì, dạy thế nào...

Vận động XHHGD theo kế hoạch đã được phê duyệt.

10. Xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi

a) Chỉ tiêu

Thay thế biển công trường tại các điểm trường Huồi Chanh, Gia Phú A, Gia Phú B; Sửa lớp học nhóm trẻ Gia Phú A (lắp tôn gia cố chống dột phần tường chung giữa nhóm trẻ và lớp mẫu giáo).

Láng xi măng mở rộng sân chơi điểm trường Gia Phú A.

Tu sửa bàn, ghế, giát giường, các thiết bị đồ dùng khác khi bị hư hỏng.

Sử dụng có hiệu quả các đồ dùng thiết bị dạy học, sách tham khảo của giáo viên và học sinh; đảm bảo thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Thanh lý các đồ dùng, dụng cụ, tài sản đã hết niên hạn sử dụng và hỏng không sửa chữa được.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Tham mưu với UBND xã, lãnh đạo ban ngành các cấp, vận động phụ huynh học sinh đóng góp kinh phí, công lao động; huy động sự giúp đỡ của các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn, các nhà hảo tâm, các tổ chức thiện nguyện.

Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn thu hợp pháp để tu sửa, nâng cấp cơ sở vật chất.

Xây dựng quy chế sử dụng bảo quản cơ sở vật chất, giao tài sản cho từng lớp, các tổ chuyên môn, các bộ phận quản lý, bảo quản và tăng cường công tác kiểm tra giám sát để phát hiện hư hỏng và sửa chữa kịp thời.

Động viên giáo viên tích cực sưu tầm nguyên vật liệu sẵn có ở địa phương để làm đồ dùng đồ chơi tự tạo; khen thưởng, động viên kịp thời những giáo viên có nhiều đồ dùng đồ chơi bền, đẹp, sáng tạo.

Rà soát kiểm tra tài sản và đồ dùng, dụng cụ để lập tờ trình đề nghị thanh lý đồ dùng, dụng cụ, tài sản đã hết niên hạn sử dụng và hư hỏng.

11. Đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo của Ban giám hiệu

11.1. Việc cải cách hành chính, đổi mới quản lý giáo dục

Tăng cường đổi mới hình thức, nội dung sinh hoạt chuyên môn, giảm thiểu hệ thống báo cáo, hồ sơ sổ sách. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các quy định về tổ chức và hoạt động của nhà trường theo Điều lệ trường mầm non đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu và thực hiện công khai theo quy định.

11.2. Quản lý tài chính

Quản lý tốt tài chính và các nguồn thu xã hội hoá và quy định về thu chi tài chính, đặc biệt là hồ sơ tổ chức ăn bán trú của trường, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch.

Thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

11.3. Quản lý tài sản

Theo dõi, quản lý chặt chẽ tài sản của trường, của lớp;

Chỉ đạo khai thác sử dụng tài sản đúng mục đích, có hiệu quả

Thường xuyên kiểm tra, sửa chữa, lập kế hoạch tờ trình đề nghị bổ sung, thanh lý.

11.4. Công tác kiểm tra nội bộ trường học

a) Chỉ tiêu

Kiểm tra nội bộ theo kế hoạch.

Cụ thể: Số giáo viên được kiểm tra toàn diện: 5/15 đạt 33,3%; Số giáo viên được kiểm tra chuyên đề 15/15 đạt 100%.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ: kiểm tra thường xuyên, kiểm tra đột xuất;
Thực hiện đúng quy định về phân công nhiệm vụ;

Đánh giá chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và đánh giá chất lượng giáo viên theo hướng phát triển năng lực cho giáo viên đặc biệt là năng lực thực hành tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

V. CÁC DANH HIỆU THI ĐUA ĐĂNG KÝ PHẤN ĐẤU TRONG NĂM HỌC

a) Chỉ tiêu

Tập thể:

Chi bộ trong sạch vững mạnh: được Đảng ủy xã tặng giấy khen.

Tập thể trường: Tập thể lao động tiên tiến

Chi đoàn: Đạt chi đoàn trong sạch vững mạnh.

Tập thể lớp tiên tiến: 9; Tập thể lớp xuất sắc: 2

Cá nhân:

Lao động tiên tiến: 18 đ/c trong đó có 05 CSTĐ:

02 đ/c được UBND xã tặng giấy khen.

b) Nhiệm vụ và giải pháp

Làm tốt việc động viên các giáo viên trẻ, có năng lực tham gia các hội thi và đăng kí các danh hiệu để phấn đấu. Các tổ xét thi đua nghiêm túc, công bằng, chính xác.

Hội đồng thi đua đưa ra các tiêu chí thi đua cụ thể, sát thực tế để có cơ sở trong bình xét, đánh giá.

Có chính sách khen thưởng động viên kịp thời những cá nhân đạt thành tích cao, nhân rộng điển hình trong tập thể.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Hiệu trưởng tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch tới từng cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường. Chỉ đạo kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong năm học. Rà soát hệ thống cơ sở vật chất, tham mưu, tuyên truyền, vận động tạo nguồn lực cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất:

Phó Hiệu trưởng giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để thực hiện.

Tổ trưởng tổ chức thực hiện kế hoạch trong tổ; kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

Giáo viên, nhân viên căn cứ kế hoạch của nhà trường để xây dựng kế hoạch công tác cá nhân, chủ động phối hợp với cha mẹ trẻ để thực hiện kế hoạch của trường, lớp theo lộ trình, đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch.

Nơi nhận:

- UBND xã Núa Ngam
- CB, GV, NV;
- Ban đại diện CMHS;
- Đăng website trường;
- Lưu: VT.



Vũ Thị Nhớ

PHÊ DUYỆT CỦA UBND XÃ NÚA NGAM

CHỦ TỊCH



Cao Văn Toàn

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM HỌC THEO THÁNG

Thời gian	Nội dung trọng tâm
Tháng 9/2025	- Ổn định nề nếp đầu năm học, tổ chức Ngày hội đến trường của bé. - Rà soát, huy động trẻ đến lớp, duy trì sĩ số. - Xây dựng kế hoạch giáo dục, phân công chuyên môn.
Tháng 10/2025	- Thực hiện chương trình giáo dục, tăng cường tiếng Việt cho trẻ. - Tổ chức hội nghị CBCCVC, triển khai quy chế dân chủ. - Kiểm tra nội bộ việc thực hiện nề nếp chăm sóc, giáo dục trẻ.
Tháng 11/2025	- Phát động thi đua chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11. - Tổ chức thao giảng, hội giảng, dự giờ chuyên đề. - Xây dựng môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm.
Tháng 12/2025	- Sơ kết học kỳ I (giữa tháng 12). - Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, an toàn mùa đông. - Kiểm tra vệ sinh, an toàn thực phẩm tại bếp ăn bán trú.
Tháng 01/2026	- Ôn luyện củng cố kiến thức cho trẻ trước kỳ nghỉ Tết Nguyên đán. - Tổ chức hoạt động ngoại khóa 'Bé vui đón Tết cổ truyền'. - Tuyên truyền phụ huynh về chăm sóc trẻ trong dịp Tết.
Tháng 02/2026	- Ổn định nề nếp sau Tết Nguyên đán. - Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh mùa xuân. - Duy trì sĩ số, nề nếp học tập của trẻ.
Tháng 03/2026	- Phát động thi đua chào mừng Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3. - Tổ chức ngày hội 'Bé với trò chơi dân gian'. - Kiểm tra chuyên đề phát triển ngôn ngữ cho trẻ DTTS.
Tháng 04/2026	- Tổ chức ngày hội 'Bé vui khỏe' và các hoạt động chào mừng 30/4 - 1/5. - Tổ chức kiểm tra đánh giá giữa kỳ II. - Tăng cường rèn kỹ năng tự phục vụ cho trẻ.

Tháng 05/2026	- Hoàn thiện hồ sơ đánh giá trẻ cuối năm học. - Tổ chức lễ ra trường cho trẻ 5 tuổi. - Tổng kết năm học, báo cáo đánh giá kết quả.
Tháng 06/2026	- Bàn giao trẻ 5 tuổi cho tiểu học. - Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng hè cho GV. - Bảo dưỡng, sửa chữa CSVC, thiết bị dạy học.
Tháng 07/2026	- Tổ chức các hoạt động hè cho trẻ tại điểm trường trung tâm. - Bồi dưỡng chuyên môn, tập huấn hè cho GV. - Hoàn thiện kế hoạch năm học 2026-2027.